

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

\*\*\*\*\*

**BÀI VIẾT**

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT TIÊU,  
THÁNG 12 VÀ 12 THÁNG NĂM 2024”**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

# PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT TIÊU (Tháng 12 và 12 tháng năm 2024 )

## I. NGUỒN CUNG

### 1. Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu

- *Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu*

Trên thế giới, sản xuất và canh tác cây hồ tiêu ở những nước sản xuất chính có những diễn biến trái chiều. Tại Ấn Độ, sự hình thành trái tiêu ở nhiều khu vực bị ảnh hưởng bởi đợt khô hạn kéo dài trong tháng 6-7, mặc dù trước đó đã có đợt ra hoa tương đối tốt. Mưa tiếp tục kéo dài đến tháng 9, dẫn đến việc rụng bông và tăng tỷ lệ mắc bệnh.

Còn tại Việt Nam, người trồng tiêu tăng cường chăm bón cho cây hồ tiêu khi giá tăng cao. Dù vậy, do tác động tiêu cực từ đợt khô hạn nghiêm trọng trong năm 2023 và những tháng đầu năm 2024 đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh trưởng và phát triển của cây hồ tiêu nên dự báo sản lượng tiêu của Việt Nam trong năm 2025 sẽ vẫn thấp.

Tại Indonesia, thu hoạch gần như kết thúc. Sản lượng năm nay được ước tính tốt nhờ có mưa rải rác trong giai đoạn đầu. Nông dân đã bắt đầu tích trữ sau khi bán ra một lượng lớn trước đó.

Còn tại Brazil, thu hoạch đang vào cuối vụ. Do thời tiết khô hạn hồi giữa năm ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng thu hoạch.

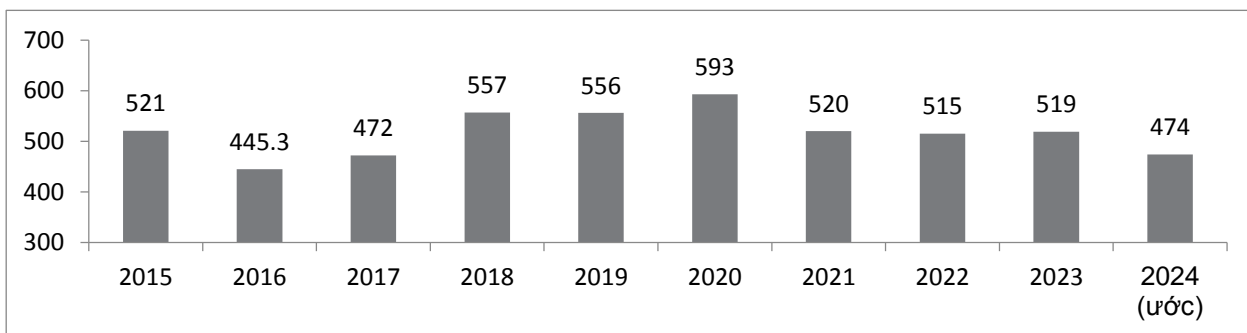
Ước sản lượng tiêu toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 474 nghìn tấn, giảm 8,6% so với năm 2023.

**Bảng 1. Sản lượng hạt tiêu phân theo nước năm 2022, năm 2023 và ước năm 2024 (nghìn tấn)**

Tên nước	Năm 2022 (nghìn tấn)	Năm 2023 (nghìn tấn)	So với năm 2022 (%)	Dự báo năm 2024 (nghìn tấn)	So với năm 2023 (%)
<b>Tổng</b>	<b>515.160</b>	<b>518.700</b>	<b>0,69</b>	<b>474.000</b>	<b>-8,6</b>
Việt Nam	183.400	190.000	3,60	171.000	-10,00
Brazil	104.000	108.000	3,85	86.500	-19,9
Ấn Độ	70.000	64.000	-8,57	63.500	-0,78
Indonesia	54.000	52.500	-2,78	53.500	1,90
Trung Quốc	33.360	33.400	0,12	30.500	-8,68
Campuchia	16.500	16.600	0,61	9.100	-45,1
Malaysia	22.000	23.000	4,55	22.000	-4,3
Sri Lanka	20.400	19.500	-4,41	26.500	35,9
Khác	11.500	11.700	1,74	11.450	-2,14

*Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp*

**Biểu đồ 1. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm, ước năm 2024  
(nghìn tấn)**



*Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp*

Tại Việt Nam, người trồng tiêu gia tăng đầu tư và tiếp tục tập trung chăm sóc cây tiêu khi tiêu đang nuôi hạt. Do ảnh hưởng của thời tiết hạn nặng nửa cuối năm 2023 đến đầu năm 2024 tiếp đến là mưa nhiều từ nửa cuối năm 2024 đến nay đã ảnh hưởng tiêu cực đến sinh trưởng cây tiêu cũng như năng suất tiêu.

Bên cạnh đó, dù giá hạt tiêu tăng mạnh trong hơn 6 tháng qua nhưng việc mở rộng diện tích cây tiêu vẫn khá dè dặt cho dù giá tiêu đã tăng mạnh trong thời gian qua do người trồng vẫn lo ngại rủi ro trong bối cảnh giá cây giống tăng cao, dịch bệnh trên cây tiêu nhiều và diễn biến khó lường, thời tiết bất lợi và nhiều cây trồng khác cho giá trị kinh tế cao hơn như cà phê, sầu riêng và một số loại cây ăn quả khác.

Tại một số địa phương như Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đắk Lắk, sản lượng đang có nguy cơ bị thu hẹp do bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Cụ thể:

Tại tỉnh Bình Phước, theo Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, từ đầu năm 2024 đến nay, diện tích trồng hồ tiêu của tỉnh giảm 709 ha so với cùng kỳ năm 2023. Hiện toàn tỉnh có 12.878 ha, sản lượng năm 2024 ước đạt 22.616 tấn (giảm 874 tấn so với cùng kỳ năm ngoái). Nguyên nhân là do giá thấp những năm trước nên người dân ít đầu tư chăm sóc dẫn đến vườn phát triển kém, dịch bệnh. Một số diện tích hồ tiêu được người dân chuyển đổi sang trồng cây ăn trái, hoa màu. UBND tỉnh Bình Phước đã vừa ban hành Kế hoạch số 325/KH-UBND triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu) đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh. Trong đó, diện tích cây tiêu toàn tỉnh dự kiến đạt 10.000 ha, sản lượng 25.000 tấn. Mục tiêu đến năm 2030 có trên 30% diện tích hồ tiêu được trồng theo quy trình GAP và tương đương, diện tích hồ tiêu được cấp mã số vùng trồng đạt khoảng 20%. Tiếp tục đổi mới công nghệ, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ASTA, ESA, JSSA. Tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 30% sản lượng (tiêu trắng, tiêu xay và các sản phẩm tinh chế khác); tỷ lệ tiêu đen 70%, trong đó tiêu nghiền bột 20%; tỷ lệ tiêu trắng 30%, trong đó tiêu nghiền bột trên 25%.

Tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thời điểm hiện nay, các vườn hồ tiêu đang trong giai đoạn nuôi trái để chuẩn bị cho vụ thu hoạch vào khoảng giữa tháng 1/2025. Thế nhưng, trước đó do ảnh hưởng của thời tiết bất lợi tiêu bị rụng hoa nên tỷ lệ đậu trái thấp, nguy cơ mất mùa cao. Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, diện tích hồ tiêu của tỉnh hiện vào khoảng 10.500 ha. Mặc dù từ niên vụ 2023, giá tiêu bắt đầu tăng trở lại, nông dân đã tập trung chú trọng đầu tư, chăm sóc cho cây tiêu nhưng do ảnh hưởng của thời tiết nên dự báo niên vụ tiêu này sản lượng sẽ giảm mạnh so với năm ngoái.

Tại Đắk Lắk, cùng với cà phê, hồ tiêu là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao về cả khối lượng lẫn giá xuất khẩu của tỉnh Đắk Lắk. Tính đến hết quý III, xuất khẩu hồ tiêu của tỉnh Đắk Lắk đạt hơn 31.000 tấn, (tăng 83,3%) với giá bình quân 6.239 USD/tấn (tăng 67,5%). Tuy nhiên, theo nhiều nông hộ, hồ tiêu là cây nhạy cảm dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết thất thường, năm nay nắng hạn kéo dài thời tiết khô nóng và độ ẩm thấp không thuận lợi cho hồ tiêu ra hoa thụ phấn, đậu trái. Do đó, đã xuất hiện tình trạng giá tiêu bị bò cào nhiều, chẻ bông ngắn và thưa.

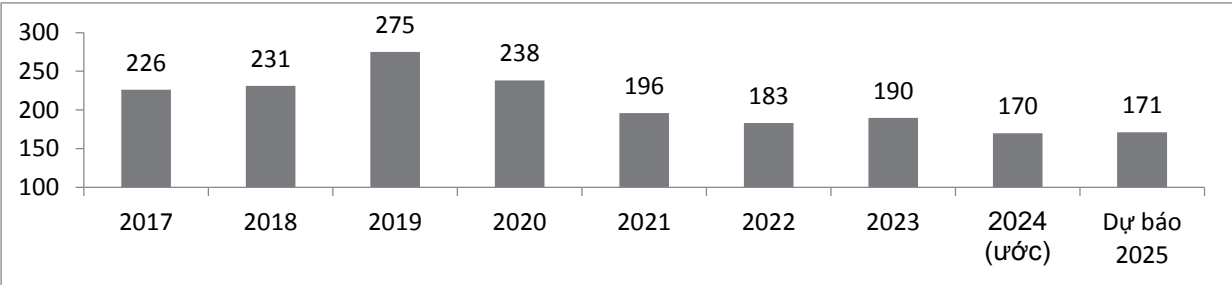
Đắk Nông, hiện toàn tỉnh có hơn 34.000 ha hồ tiêu, năng suất bình quân khoảng 2,4 tấn/ha; tổng sản lượng hàng năm đạt khoảng 70.000 tấn/năm. Đến nay, toàn tỉnh có 322,8 ha hồ tiêu đạt chứng nhận VietGAP; 601,7 ha đạt chứng nhận hữu cơ và 2.219,8 ha đạt các tiêu chuẩn khác như Flo, Rainforest...

Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2025 duy trì khoảng 34.000 ha hồ tiêu, sản lượng đạt khoảng 73.000 tấn/vụ; đến năm 2030, diện tích đạt khoảng 33.600 ha, sản lượng khoảng trên 73.000 tấn/vụ. Tỉnh hình thành và phát triển 4 vùng sản xuất hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất tập trung, với tổng diện tích 3.049 ha tại các vùng trọng điểm sản xuất hồ tiêu.

Tại Gia Lai, sau thời gian điều đứng vì hồ tiêu rớt giá thê thảm, tiêu chết hàng loạt kéo theo hệ lụy nông dân Gia Lai gánh khoản nợ ngân hàng nghìn tỉ, đến nay nhiều người đã quay lại với cây tiêu. UBND huyện Chư Sê cho biết, diện tích hồ tiêu thống kê được hồi cuối tháng 7/2024 của toàn huyện là 1.132 ha, tăng nhẹ so với vài năm trước đây. Việc người dân đang quay lại phát triển diện tích hồ tiêu trên địa bàn huyện là tín hiệu đáng mừng, bởi đây là một trong những loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương.

Kế hoạch của UBND tỉnh Gia Lai là đến năm 2030 phát triển và giữ ổn định diện tích hồ tiêu khoảng 10.000 ha, đẩy mạnh phát triển sản xuất hồ tiêu theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao...

**Biểu đồ 2. Sản lượng hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)**



*Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp*

## 2. Tình hình nhập khẩu

Thống kê bộ sơ bộ của VPSA, trong tháng 10/2024, Việt Nam đã nhập khẩu 4.818 tấn hồ tiêu, tăng 98,3% so với tháng trước. Trong đó, Indonesia tiếp tục là nhà cung cấp chính đạt 3.970 tấn, chiếm 82,4%; tiếp theo là Brazil: 501 tấn, chiếm 10,4%.

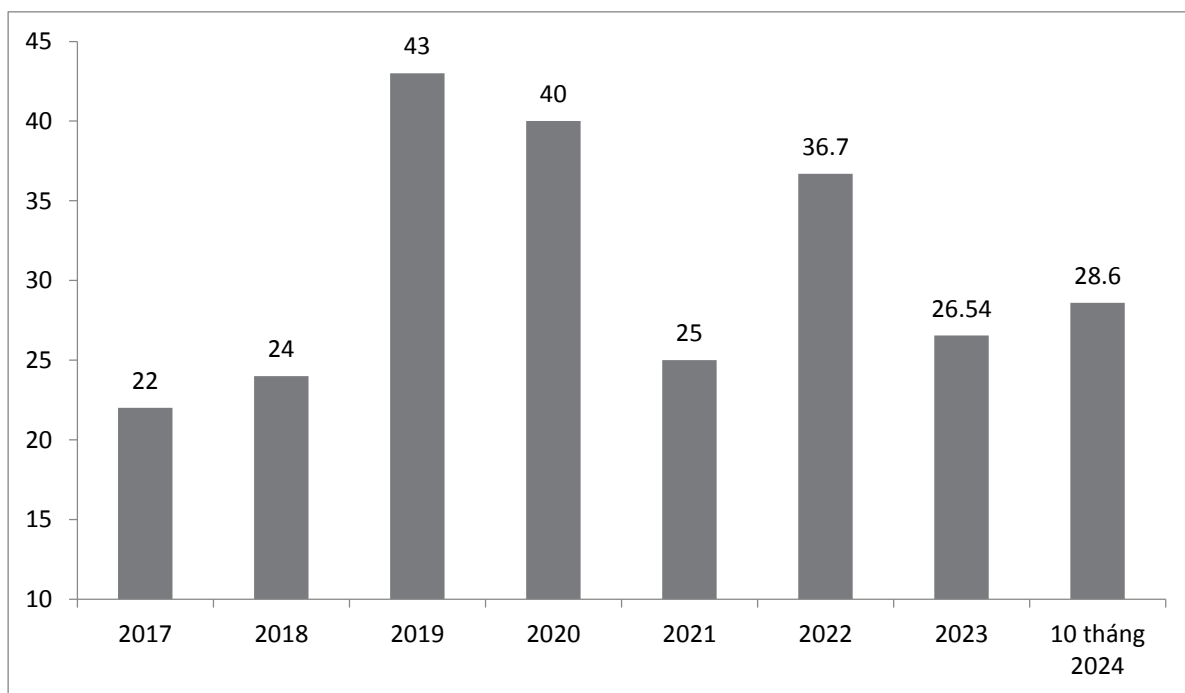
Tính chung 10 tháng năm 2024, Việt Nam đã nhập khẩu 28.596 tấn hồ tiêu các loại, trong đó tiêu đen đạt 25.456 tấn, tiêu trắng đạt 3.140 tấn, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 131,3 triệu USD, so với cùng kỳ năm ngoái lượng nhập khẩu tăng 27,1%, kim ngạch tăng 78,5%.

Về thị trường nhập khẩu, Indonesia đã vượt qua Brazil trở thành quốc gia cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Việt Nam trong 10 tháng đầu năm, chiếm 36% khối lượng với 10.287 tấn, tăng 257,2% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Brazil đạt 9.013 tấn, chiếm 31,5% giảm 35,5% và Campuchia chiếm 23,4% đạt 6.695 tấn, tăng 96,7%.

Một số doanh nghiệp cho biết, năm nay nông dân trồng tiêu được hưởng lợi nhờ giá bán tăng quá cao. Ngược lại, doanh nghiệp xuất khẩu lại không mua được nhiều tiêu trong nước. Đây cũng là một phần lý do khiến doanh nghiệp phải nhập khẩu hồ tiêu rất nhiều từ Brazil và Indonesia trong năm nay. Nguyên nhân là bởi sản lượng giảm, bà con giữ hạt tiêu lại đầu cơ. Cùng với đó, tình trạng hạn hán kéo dài khiến nguồn cung hồ tiêu trong nước ngày càng khó khăn.

Với sản lượng của Indonesia năm nay được dự báo dồi dào hơn năm 2023, dự báo nhập khẩu hạt tiêu của Việt Nam từ Indonesia trong 2 tháng sẽ tiếp tục tăng mạnh và cả năm khối lượng nhập khẩu từ thị trường này có thể tăng lên khoảng 14.000 tấn.

**Biểu đồ 3. Nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 10 tháng năm 2024 (nghìn tấn)**



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

**Bảng 2. Thị trường cung cấp hồ tiêu cho Việt Nam**

Thị trường	Năm 2023 (tấn)	Năm 2023 so năm 2022 (%)	10 tháng năm 2024 (tấn)	10 tháng 2024 so cùng kỳ năm 2023 (%)
<b>Tổng</b>	<b>26.538</b>	<b>-27,7</b>	<b>28.596</b>	<b>27,1</b>
Indonesia	3.237	-43,8	10.287	257,2
Brazil	16.598	31,6	9.013	-35,5
Campuchia	3.763	-71,7	6.695	96,7

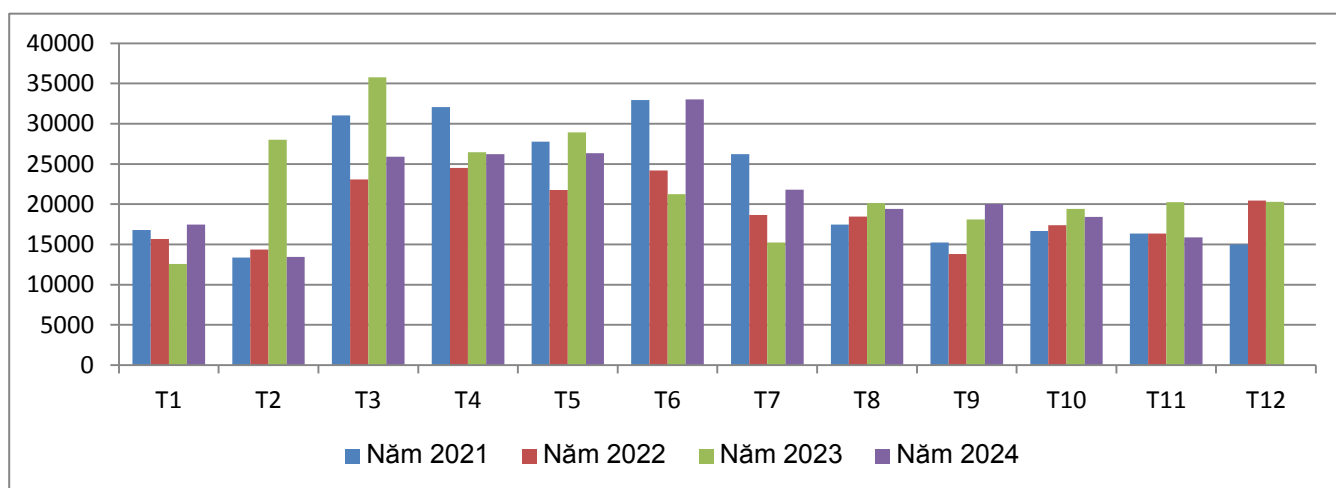
Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

## II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 11/2024, cả nước xuất khẩu được 15.863 tấn hạt tiêu, tổng kim ngạch 106,5 triệu USD, giảm 13,86% về lượng và giảm 11,68% về kim ngạch so với tháng trước; còn so với cùng kỳ năm 2023 giảm 21,5% về lượng nhưng tăng 37,34% về kim ngạch.

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong tháng 11/2024 đạt 5.582 tấn, giảm 6,31% so với tháng 10 trước đó.

**Biểu đồ 4. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2021 đến nay**  
(ĐVT: tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính chung 11 tháng năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu được 234,7 nghìn tấn hồ tiêu các loại, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 1,22 tỷ USD, giảm 4,45% về lượng nhưng kim ngạch xuất khẩu lại tăng tới 46,16% so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường xuất khẩu lớn nhất trong 11 tháng năm 2024 vẫn là Hoa Kỳ, đạt 69,7 nghìn tấn, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp đến là Đức, UAE, Hà Lan, Ấn Độ...

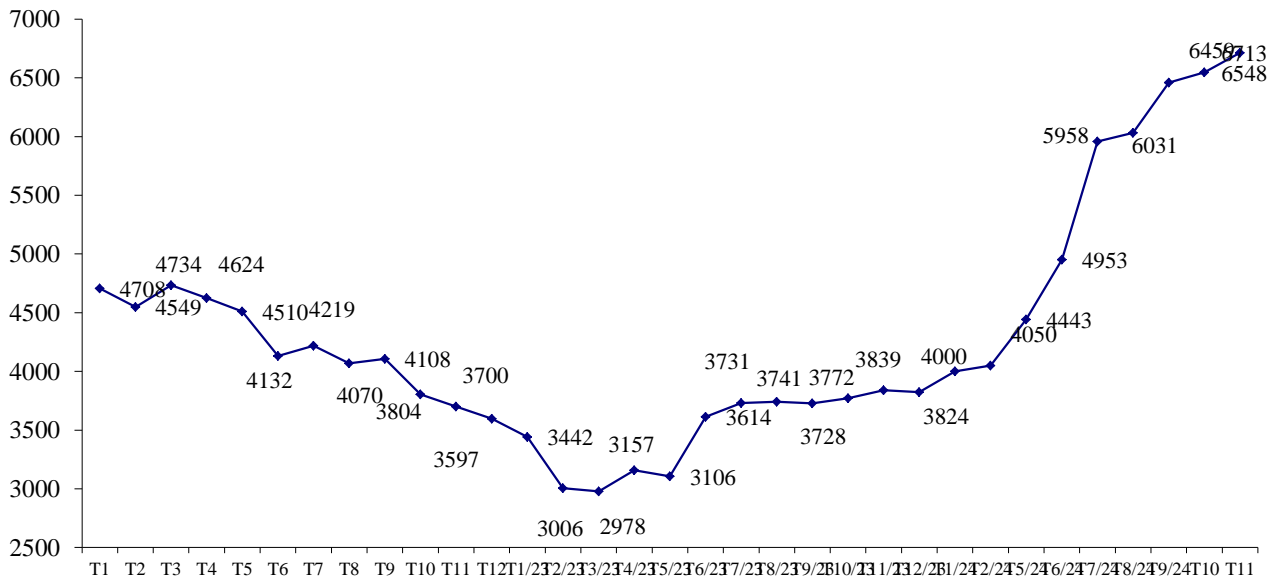
**Bảng 3. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường tháng 11 và 11 tháng năm 2024**

Tên thị trường	Tháng 11/2024						11 tháng năm 2024			
	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng so với tháng trước (%)	Trị giá so với tháng trước (%)	Lượng so với tháng 10/2023 (%)	Trị giá so với tháng 10/2023 (%)	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng so với cùng kỳ 2023 (%)	Trị giá so với cùng kỳ 2023 (%)
Hoa Kỳ	5.582	39.548	-6,31	2,92	0,98	70,09	69.711	377.496	42,93	92,32
Đức	769	5.726	-45,15	-44,36	9,23	84,09	15.115	85.383	76,33	138,4
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	401	2.759	-36,45	-34,32	-48,79	4,96	13.993	75.502	29,93	107,6
Hà Lan	776	5.642	-27,34	-27,24	51,86	108,4	9.939	58.029	38,54	79,5
Ấn Độ	415	2.876	229,37	251,11	-66,4	-47,37	9.876	46.905	-16,57	6,08
Hàn Quốc	585	3.860	53,54	38,34	-6,85	60,03	6.678	37.701	32,95	90,45
Thái Lan	538	4.075	15,95	18,94	-33,58	17,65	5.363	33.526	4,18	48,92
Nga	306	2.048	-25,37	-29,27	-37,68	20,97	5.974	31.619	13,02	74,66
Philippines	531	2.456	-1,67	-14,08	-19,42	27,05	7.269	30.096	1,34	40,05
Anh	404	2.961	-46,77	-34,1	-12,36	45,76	5.613	29.681	18,62	45,8
Ai Cập	72	431	-78,18	-78,14	-62,11	-22,11	5.184	25.232	28,64	104,88
Pakistan	318	2.154	171,79	149,15	-42,29	10,19	5.505	25.191	37,08	96,64
Canada	248	1.672	-14,78	-16,19	-0,8	62,39	3.878	21.799	22,1	76,45
Pháp	100	469	-53,7	-71,17	-78,35	-74,07	4.160	21.596	15,27	56,26
Nhật Bản	615	3.498	18,96	18,23	50	148,31	4.178	19.120	5,85	47,22
Thổ Nhĩ Kỳ	242	1.527	30,81	57,65	-49,37	18	4.224	18.680	-3,54	39,38
Tây Ban Nha	270	1.738	-0,37	-11,27	3,85	62,75	3.250	18.165	28,66	77,99
Ba Lan	337	2.446	-50,73	-43,03	26,69	169,81	3.262	18.133	28,27	100,74
Ả Rập Xê Út	212	1.533	-25,87	-18,43	2,91	142,39	3.055	15.998	-7,4	42,11
Australia	125	911	-63,13	-49,63	-31,69	21,11	2.254	12.041	21,31	48,81
Nam Phi	211	1.121	-25,18	-17,22	-26,22	22,18	2.623	11.363	14,74	48,22
Senegal	101	481	-37,65	-52,79	-72,4	-58,41	2.365	11.033	5,3	58,89
Malaysia	144	1.113	23,08	36,6	-12,2	63,2	1.763	9.903	3,89	50,3
Italy	95	723	7,95	6,24	-30,15	38,32	1.617	8.136	45,28	90,38
Bi	68	449	-37,61	-27,2	28,3	113,48	1.062	5.836	92,39	133,46
Singapore	74	543	5,71	1,92	-41,27	-2,7	568	3.525	-8,39	34,38
Kyrgyzstan	79	462			71,74	412,8	648	3.002	1,41	72,17
Kuwait	70	488			66,67	212,36	505	2.765	-17,08	29,83
Algeria	28	171			-48,15	-28,22	495	2.070	-53,87	-38,22
Ukraine	64	403	-33,33	-38,21	-46,67	-1,13	303	1.855	-36,21	13,31

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

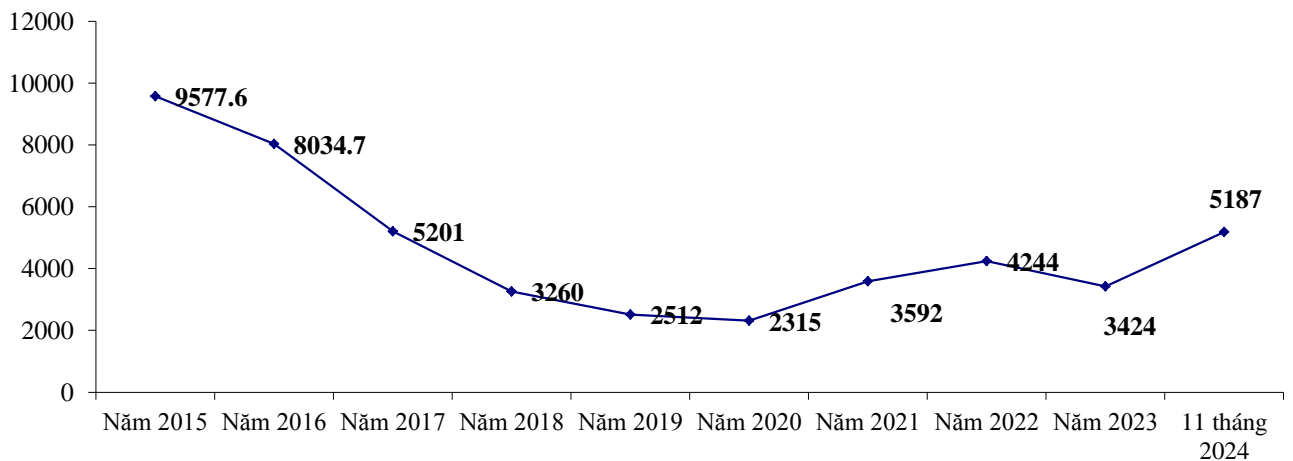
Giá xuất khẩu bình quân tiêu đen trong tháng 11/2024 đạt 6.713 USD/tấn, tăng 2,53% so với tháng trước và tăng 75% so với tháng 11/2023. Tính bình quân 11 tháng năm 2024 giá tiêu xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 5.187 USD/tấn, tăng 53% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 5. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)**



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

**Biểu đồ 6. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 11 tháng năm 2024 - giá xuất khẩu bình quân (Đvt: USD/tấn)**



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Trong tháng 11/2024, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường Italia đạt cao nhất, với 7.736 USD/tấn, tăng 49,69% so với tháng trước và tăng 102,55% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp đến là Singapore đạt 7.615 USD/tấn, tăng 23,47% so với tháng trước và tăng 80,3% so với tháng 8/2023...



**Bảng 4. Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân sang các thị trường tháng 11 và 11 tháng năm 2024**

Tên thị trường	Tháng 11/2024			11 tháng năm 2024	
	Giá (USD/tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 10/2023 (%)	Giá (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Thái Lan	7.575	2,58	77,13	6.251	42,95
Singapore	7.342	-3,59	65,67	6.206	46,68
Ukraine	6.296	-7,32	85,38	6.123	77,64
Hà Lan	7.271	0,14	37,23	5.839	29,56
Đức	7.446	1,43	68,53	5.649	35,2
Hàn Quốc	6.598	-9,9	71,79	5.646	43,25
Canada	6.744	-1,66	63,7	5.621	44,51
Malaysia	7.730	10,99	85,87	5.617	44,67
Tây Ban Nha	6.438	-10,94	56,72	5.589	38,34
Ba Lan	7.257	15,64	112,96	5.559	56,49
Bỉ	6.608	16,69	66,39	5.495	21,35
Kuwait	6.970		87,42	5.475	56,56
Hoa Kỳ	7.085	9,85	68,44	5.415	34,55
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	6.879	3,35	104,94	5.396	59,78
Australia	7.289	36,59	77,3	5.342	22,67
Nga	6.692	-5,23	94,1	5.293	54,55
Anh	7.329	23,81	66,32	5.288	22,91
Ả Rập Xê Út	7.233	10,04	135,53	5.237	53,46
Pháp	4.693	-37,73	19,81	5.191	35,56
Italy	7.614	-1,59	98,02	5.031	31,04
Ai Cập	5.983	0,19	105,53	4.867	59,27
Ấn Độ	6.929	6,6	56,63	4.749	27,15
Senegal	4.763	-24,28	50,7	4.665	50,89
Kyrgyzstan	5.842		198,59	4.632	69,78
Nhật Bản	5.688	-0,61	65,54	4.576	39,09
Pakistan	6.774	-8,33	90,92	4.576	43,46
Thổ Nhĩ Kỳ	6.310	20,52	133,07	4.422	44,49
Nam Phi	5.315	10,63	65,61	4.332	29,17
Algeria	6.105		38,42	4.183	33,91
Philippines	4.626	-12,63	57,68	4.140	38,2
Myanmar				3.850	21,28

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

### III. DIỄN BIẾN GIÁ

Giá tiêu trong nước tháng 12/2024 tăng nhẹ khi giá thế giới tăng trở lại và nguồn cung ở trong nước cạn kiệt. Tính đến cuối tháng 12/2024 giá tiêu đen giao dịch trong khoảng 145.000 – 146.000 đ/kg, tăng khoảng 3.000 đ/kg so với cuối tháng trước.

Trên thị trường thế giới, cầu tăng trong khi nguồn cung hạn chế khi Brazil và Indonesia vào cuối vụ thu hoạch đã giúp giá tiêu thế giới trong tháng /2024 tăng nhẹ.

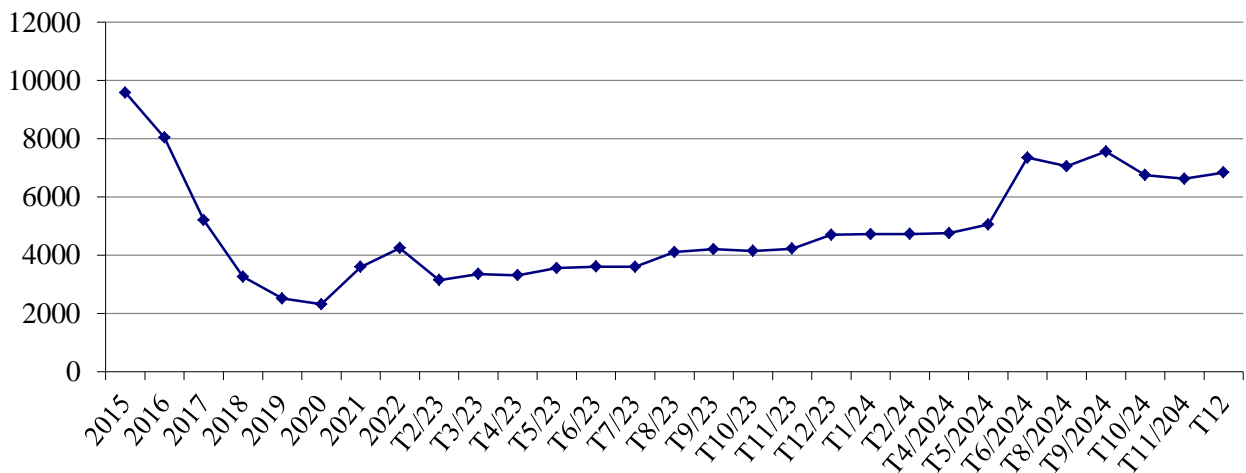
Cụ thể, đến giữa tháng 12/2024 giá tiêu đen của Brazil tăng lên 6.275 USD/tấn, tăng 125 USD/tấn (tương đương mức tăng 2%) so với cuối tháng trước.

Giá tiêu đen Lampung của Indonesia tăng 3,1%, từ 6.624 USD/tấn lên 6.835 USD/tấn.

Tại Việt Nam, giá tiêu đen loại 500 gr/l tăng 100 USD/tấn (tương đương mức tăng 1,6%), lên 6.300 USD/tấn; loại 550 gr/l tăng 1,5%, lên 6.600 USD/tấn; trong khi đó, giá tiêu trắng của Việt Nam giữ nguyên ở mức 9.400 USD/tấn.

Ngược lại giá tiêu đen ASTA của Malaysia giảm nhẹ, từ 8.200 USD/tấn, xuống còn 8.400 USD/tấn; giá tiêu trắng giảm từ 10.500 USD/tấn, xuống còn 10.400 USD/tấn.

#### **Biểu đồ 7. Diễn biến giá hạt tiêu đen Indonesia từ năm 2015 đến nay (USD/tấn)**



*Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp*

### IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Do giá tiêu trên thị trường thế giới vẫn biến động giằng co ở mức tương đối cao khi mà hoạt động mua vào vẫn cầm chừng và nguồn cung từ Indonesia và Brazil vẫn còn tương đối dồi dào khi vụ thu hoạch vừa kết thúc nên dự báo giá tiêu ở trong nước có thể duy trì ổn định ở mức cao như hiện nay.

Bên cạnh đó, giá nhiều mặt hàng nông sản khác vẫn giữ ở mức cao, đặc biệt giá cà phê Việt Nam thậm chí còn tăng cho dù Việt Nam đang vào chính vụ thu hoạch cà phê năm 2024 cho thấy triển vọng tích cực về giá đối với mặt hàng hạt tiêu.

Dự kiến sang đầu năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu của nước ta sẽ thuận lợi nhờ nhu cầu mua từ thị trường Trung Quốc dự kiến sẽ tăng mạnh. Trong khi đó, sau vụ thu hoạch gần nhất của Indonesia thì đến tận tháng 2/2025, nguồn cung hạt tiêu trên thế giới vẫn chưa có sự bổ sung đáng kể. Đây được cho là yếu tố thuận lợi khi Việt Nam bước vào vụ thu hoạch mới 2025.

## MỤC LỤC

<b>I. NGUỒN CUNG</b> .....	2
<b>1. Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu</b> .....	2
<b>2. Tình hình nhập khẩu</b> .....	5
<b>II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU</b> .....	6
<b>III. DIỄN BIẾN GIÁ</b> .....	10
<b>IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT</b> .....	10
<b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ</b> .....	12
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	12

### DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm, ước năm 2024.....	3
Biểu đồ 2. Sản lượng hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và dự báo năm 2025 (nghìn tấn).....	4
Biểu đồ 3. Nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 10 tháng năm 2024 (nghìn tấn) .....	5
Biểu đồ 4. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2021 đến nay (ĐVT: tấn).....	6
Biểu đồ 5. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn).....	8
Biểu đồ 6. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 11 tháng năm 2024 - giá xuất khẩu bình quân (Đvt: USD/tấn) .....	8
Biểu đồ 7. Diễn biến giá hạt tiêu đen Indonesia từ năm 2015 đến nay (USD/tấn) .....	10

### DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản lượng hạt tiêu phân theo nước năm 2022, năm 2023 và ước năm 2024 (nghìn tấn).....	2
Bảng 2. Thị trường cung cấp hồ tiêu cho Việt Nam .....	6
Bảng 3. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường tháng 11 và 11 tháng năm 2024.....	7
Bảng 4. Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân sang các thị trường tháng 11 và 11 tháng năm 2024.....	9